



THE
WORLD
BANK



Dự án VnSAT - Chuyển đổi nông nghiệp bền vững

BẢN TIN TUẦN

Tuần 13 (từ 25/03/19 – 29/03/19)



ĐIỂM TIN

Giá cà phê Robusta tuần này giảm so với tuần trước hiện đang ở mức 1.500 USD/tấn.

Giá cà phê Arabica tuần này giảm 1,7% xuống còn 2.067 USD/tấn.

El Salvador ký kết hợp tác với Ngân Hàng Trung Mỹ về Hợp Tác Kinh Tế khoản tiền trị giá 86 triệu USD để hỗ trợ nông dân tái canh.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE. www.theice.com

Giá cà phê Robusta bình quân trên sàn kỳ hạn London tuần này 1.500 USD/tấn, tăng 0,3% so với tuần trước và thấp hơn 12,5% so với cùng kỳ năm 2018. Giá cao nhất trong tuần đạt 1.510 USD/tấn, giá thấp nhất là 1.492USD/tấn. [1]

Giá cà phê Arabica bình quân trên sàn kỳ hạn New York tuần này đạt 2.067 USD/tấn, giảm 1,7% so với mức giá tuần trước và thấp hơn 20,5% so với cùng thời điểm năm 2018. Giá cao



nhất trong tuần đạt 2.094,4 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 2.050,3 USD/tấn. [1]

Tuần qua giá cà phê tham chiếu tại các sàn có diễn biến trái chiều. Tốc độ hồi phục kinh tế tại Brazil diễn ra chậm, giá đồng Real giảm mạnh thêm 2,27% xuống ở mức 1 USD = 3,9540 Real khiến cho nhiều nhà đầu tư tháo chạy khỏi các sàn hàng hóa nông sản. Áp lực vụ mùa mới từ Brasil chưa có sự thay đổi. Đây cũng chính là điều để các đầu cơ và quỹ quay trở lại bán ròng mạnh tay sau khi đã thanh lý bớt ở hai phiên liên tiếp đầu tuần. Những diễn biến này làm cho giá cà phê arabica giảm trong suốt tuần qua.

Theo Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO), giá cà phê thế giới sẽ còn trì trệ khi tồn kho trên thị trường tiêu dùng vẫn dồi dào. Đặc biệt, nguồn cung toàn cầu tiếp tục dư thừa trong năm nay khi Brazil bắt đầu vào thu hoạch vụ mới với sản lượng được Rabobank dự báo ở mức cao 57,6 triệu bao.

Theo nguồn tin từ Kenya, Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO) ngày 29/3 đã đưa ra những biện pháp nhằm thúc đẩy giá cà phê toàn cầu trong phiên họp lần thứ 124 tổ chức tại nước này. Ông Jose Sette, Giám đốc điều hành của ICO, cho biết tổ chức này đang huy động các nguồn lực tài chính từ khu vực tư nhân và những người quyên góp để hỗ trợ cho ngành cà phê, qua đó thúc đẩy tiêu thụ cà phê và nêu cao tầm quan trọng của ngành này. ICO sẽ đảm bảo cộng đồng cà phê quốc tế không những nhận được mức thu nhập hợp lý mà còn có được sự ổn định lâu dài của ngành cà phê toàn cầu. ICO đang thiết lập hoạt động đối thoại trên toàn ngành với mục tiêu tìm ra giải pháp, tạo dựng sự đồng thuận và đưa ra những cam kết có thể đo lường được nhằm hướng đến một tương lai bền vững cho những người trồng cà phê và đạt được Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG).



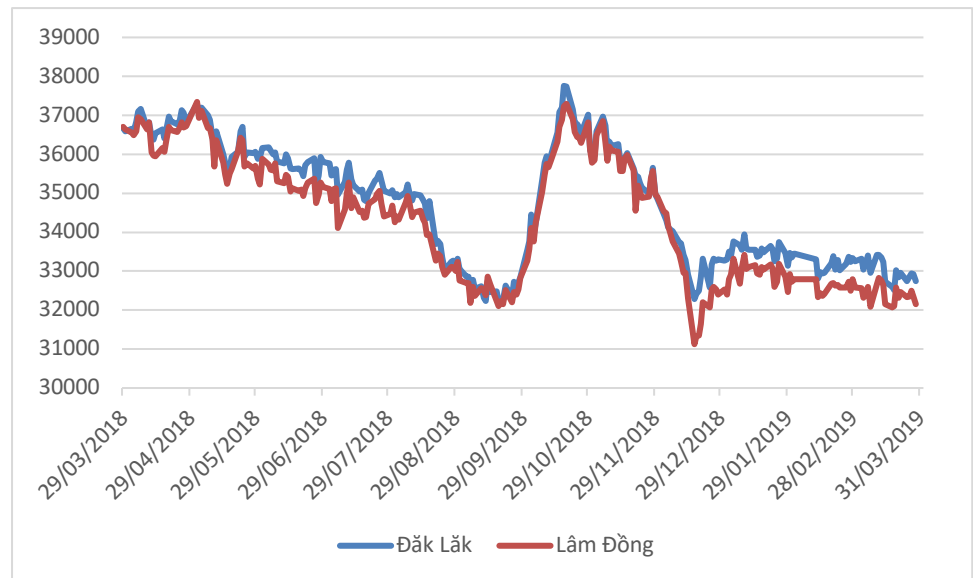
ĐIỂM TIN

Giá cà phê Robusta tại các tỉnh Tây Nguyên biến động giảm trong tuần qua.

Cà phê giao ngay tại cảng Sài Gòn (FOB) giảm nhẹ 1,1% so với tuần trước xuống còn 1.420 USD/tấn.

Công ty Simexco Daklak, đang lên kế hoạch bán phần lớn cổ phần ra thị trường.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV dự án VNSAT thu thập

Giá cà phê trong nước tuần này giữ mức ổn định so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 32.843 đồng/kg, tăng 55 đồng so với mức giá tuần trước và thấp hơn 10,9% so với cùng kỳ năm 2018. Tại Lâm Đồng, giá cà phê tăng 30 đồng so với tuần trước, ở mức 32.445 đồng/kg và thấp hơn 11,9% so với cùng kỳ năm ngoái. [5]

Giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn tuần này giảm nhẹ 0,2% so với tuần trước xuống còn 1.418 USD/tấn và vẫn thấp hơn 14,6% so với cùng kỳ năm 2018. [5]

Giá cà phê trong nước tuần biến theo xu hướng chung của thế giới. Do mức giá thấp vẫn tiếp tục kéo dài, nông dân tại thị trường nội địa Việt Nam tiếp tục thể hiện sự kháng giá ở vùng giá thấp.

Theo số liệu Tổng cục Hải quan, tháng 3/2019 xuất khẩu cà phê Việt Nam ước đạt 160 tấn, tương đương 278 triệu USD, tăng 39% cả về lượng và kim ngạch so với tháng 2/2019. Tính chung cả 3 tháng đầu năm, ước xuất khẩu 477 nghìn tấn cà phê, tương đương 830 triệu USD, giảm 15,3% về lượng và giảm 23,8% về kim ngạch so với cùng kỳ.



Giá cà phê xuất khẩu trung bình trong tháng 3/2019 đạt 1.738 USD/tấn, tăng 0,2% so với tháng 2/2019, nhưng giảm 9,7% so với tháng 3/2018. Tính trung bình 3 tháng đầu năm, giá cà phê xuất khẩu đạt 1.739 USD/tấn, giảm 10% so với cùng kỳ.

Các nước EU là thị trường tiêu thụ nhiều nhất các loại cà phê của Việt Nam trong 2 tháng đầu năm, chiếm trên 44,4% trong tổng lượng và chiếm 42% trong tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của cả nước đạt 140.813 tấn, tương đương 231,74 triệu USD, tăng 4,4% về lượng nhưng giảm 7,8% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2018. Trong khối EU, xuất khẩu chủ yếu sang Đức, Italia và Tây Ban Nha, riêng 3 thị trường này đã chiếm trên 70% trong tổng lượng cà phê xuất sang EU.

Đứng sau thị trường EU là Mỹ chiếm gần 10% trong tổng lượng và tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của cả nước. đạt 30.647 tấn, trị giá 53,25 triệu USD, giảm 17,2% về lượng và giảm 26,3% về kim ngạch so với cùng kỳ.

Tiếp đến thị trường các nước Đông Nam Á chiếm 7,9% trong tổng lượng và chiếm 9,2% tổng kim ngạch, đạt 25.016 tấn, tương đương 50,75 triệu USD, giảm 46,8% về lượng và giảm 45,3% về kim ngạch so với cùng kỳ.

Nguồn tham khảo:

- [1]. <https://www.theice.com/index>
- [2]. <http://www.scasa.co.za>
- [3]. <https://www.comunicaffe.com>
- [4]. <https://www.CNBC.com>
- [5]. CTV tổng hợp giá cà phê và tin cà phê tại địa phương;
- [6]. <https://www.vneconomy.vn>
- [7]. <https://www.vov.vn>
- [8]. <https://www.customs.vn>
- [9]. Vietnambiz.vn



Phụ lục: Giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên trong tuần

ĐVT: đồng/kg

Tỉnh/Huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Biến động so tuần trước
Đắk Lắk						
<i>Giá đại lý</i>						
Cư M'gar (xô vối)	33,033	33,033	33,167	33,133	32,867	7
Ea H'leo (xô vối)	32,800	32,967	33,000	33,033	32,933	-7
Krông Năng (xô vối)	32,567	32,733	32,767	32,733	32,567	80
<i>Giá công ty</i>						
Cư M'gar (xô vối)	33,300	33,300	33,500	33,400	33,200	20
Ea H'leo (xô vối)	33,000	33,200	33,300	33,300	33,200	0
Krông Năng (xô vối)	32,800	32,900	33,000	33,000	32,800	100
Lâm Đồng						
<i>Giá đại lý</i>						
Bảo Lâm (xô vối)	32,300	32,433	32,600	32,433	32,067	60
Di Linh (xô vối)	32,000	32,000	32,100	32,000	32,000	-165
Lâm Hà (xô vối)	32,700	32,600	32,800	32,600	32,400	140
Đà Lạt (xô chè)	38,000	39,000	40,000	38,000	39,000	-200
<i>Giá công ty</i>						
Bảo Lâm (xô vối)	32,800	32,933	33,100	32,933	32,700	247
Di Linh (xô vối)	32,500	32,500	32,600	32,500	32,500	-140
Lâm Hà (xô vối)	32,900	32,900	33,167	32,900	32,600	93
Đà Lạt (xô chè)	39,000	40,000	41,000	39,000	40,000	-200
Đắk Nông						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Mil (xô vối)	32,650	32,750	32,950	32,900	32,600	0
Đắk R'Lấp (xô vối)	32,633	32,833	32,983	32,867	32,633	117
Đắk Song (xô vối)	32,750	32,725	33,050	32,950	32,750	95
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Mil (xô vối)	32,950	33,050	33,250	33,200	32,900	0
Đắk R'Lấp (xô vối)	32,967	33,167	33,283	33,200	32,967	130
Đắk Song (xô vối)	33,100	33,025	33,400	33,300	33,100	100
Gia Lai						



<i>Giá đại lý</i>						
Chư Pưh (xô vối)	32,700	32,800	33,000	32,900	32,600	127
Plei ku (xô vối)	32,733	32,833	32,933	32,800	32,700	-40
<i>Giá công ty</i>						
Chư Pưh (xô vối)	33,233	33,333	33,500	33,400	33,133	140
Pleiku (xô vối)	33,300	33,300	33,433	33,300	33,200	33
Kon Tum						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Tô (xô vối)	32,700	32,800	32,900	32,900	32,700	100
Đắk Hà (xô vối)	32,650	32,750	32,850	32,850	32,650	100
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Tô (xô vối)	32,800	32,900	33,000	33,000	32,800	100
Đắk Hà (xô vối)	32,800	32,900	33,000	33,000	32,800	100

Nguồn: CTV dự án VnSAT thu thập



Bản tin được thực hiện bởi **AGROINFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn

